

CÁC NGUYÊN NHÂN MẮC BỆNH CỦA TÙ NHÂN Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN 1946 - 1954

HỒ VIỆT HÙNG*

Nhà tù Côn Đảo được tiến hành xây dựng từ năm 1862, ngay sau khi Pháp xác lập việc đô hộ đối với 3 tỉnh miền Đông của Nam Kỳ. Đây là một trong những nhà tù đầu tiên và có quy mô lớn nhất ở miền Nam mà thực dân Pháp xây dựng để giam giữ những thành phần bị coi là chống đối, đe dọa tiến trình “khai sáng văn minh cho các dân tộc dã man” của nước Pháp. Nhà tù Côn Đảo được gọi là “địa ngục trần gian” vì chế độ giam cầm khắc nghiệt, chế độ lao động cực khổ và những hình thức kỷ luật, tra tấn, đánh đập tù nhân hết sức dã man, hàng ngàn tù nhân bệnh tật liên miên. Trong bài viết này tác giả phân tích tình hình tù nhân mắc bệnh giai đoạn 1946 - 1954 để có thể thấy thêm một khía cạnh “địa ngục” ở nhà tù Côn Đảo.

Từ khóa: Côn Đảo, nhà tù, tù nhân, bệnh tật

Nhận bài ngày: 15/12/2019; *đưa vào biên tập:* 20/12/2019; *phản biện:* 2/1/2020; *duyet đăng:* 15/3/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giai đoạn 1946 - 1954 vào lúc nhiều nhất nhà tù Côn Đảo giam giữ hơn 2.500 tù nhân, đa phần trong số đó là tù chính trị, tù binh, chỉ có một số rất ít tù thường phạm. Tù nhân ở nhà tù Côn Đảo bị giam cầm nghiêm ngặt trong các khám giam của Banh I, Banh II. Năm 1951 khi chuyển tù binh đầu tiên từ miền Bắc bị lưu đầy ra đây, giám đốc nhà tù Côn Đảo cho sửa chữa lại Banh III rồi đổi tên thành Trại III để giam giữ tù binh.

Trong giai đoạn 1946 - 1954 rất nhiều tù nhân đã chết vì bệnh tật khi bị giam cầm ở nhà tù Côn Đảo. Nghiên cứu

các nguyên nhân dẫn đến tình trạng bệnh tật của tù nhân là cần thiết để có những đánh giá xác đáng về chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với những người tù yêu nước Việt Nam.

2. TÙ NHÂN MẮC BỆNH Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN 1946 - 1954

Theo các báo cáo y tế của nhà tù Côn Đảo, trong giai đoạn 1946 - 1954, hàng tháng có cả ngàn lượt bệnh nhân, chủ yếu là tù nhân khám bệnh, hàng trăm người phải nhập viện điều trị, vài người trong số đó không qua khỏi đã nằm lại Nghĩa trang Hàng Dương.

Báo cáo y tế nguyệt kỳ tháng 7/1949 của nhà tù cho thấy “Trong tháng có tổng số 2.067 lượt bệnh nhân thăm

* Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

khám sức khỏe, 80 người nhập viện điều trị” (Assistance Medicale de Poulo Condore, hồ sơ E03/272). Trong số người được thăm khám y tế thì nhiều nhất là khám về hô hấp có 399 người, 259 người khám đường tiêu hóa, 127 người khám về thiếu hụt vitamin, 45 người khám lao phổi... tổng số ngày điều trị cho 80 bệnh nhân nhập viện trong tháng là 1.608 ngày, bình quân một người bệnh phải nằm điều trị 20 ngày. Những con số trong bản báo cáo này cho thấy mức độ và tính chất nghiêm trọng của bệnh tật đối với tù nhân.

Các căn bệnh về đường tiêu hóa, hô hấp, da liễu khá phổ biến ở nhà tù, hàng tháng luôn có mấy trăm tù nhân phải thăm khám vì những căn bệnh này. Từ năm 1946 đến 1950 số lượng tù nhân ở nhà tù Côn Đảo dao động trong khoảng từ 1.000 đến 1.500 người; và với 2.067 lượt khám bệnh trong tháng 7/1949 thì có thể thấy hầu như mọi người tù ở đây đều mắc bệnh. Tù nhân luôn phải đối diện với hàng chục loại bệnh tật nguy hiểm, trong đó đáng lo lắng nhất là bệnh sốt rét, lao phổi hay bệnh phù thũng, bệnh hô hấp.

Dịch bệnh sốt rét (paludisme) đã hai lần bùng phát ở Côn Đảo trong giai đoạn này. Lần đầu tiên là cuối năm 1946, làm hàng trăm tù nhân, giám thị và cả vợ con giám thị mắc bệnh. Giám đốc nhà tù Côn Đảo Brulé phải yêu cầu hỗ trợ y tế từ Sài Gòn. Bộ Y tế Công cộng đã gửi rất nhiều thuốc Quinacrine cho nhà tù, bác sĩ Capponi

từ Viện Pasteur ở Sài Gòn được điều ra chỉ đạo dập dịch bệnh, một khoản ngân sách đặc biệt được cung cấp cho Côn Đảo để không chế dịch sốt rét và đích thân Bộ trưởng Bộ Y tế Công cộng ra thị sát tình hình dịch bệnh tại Côn Đảo. Giới chức nhà tù phải mất gần 1 năm mới có thể không chế dịch bệnh này. Tháng 12/1947 tình hình dịch sốt rét cơ bản được không chế “Nhờ thực hiện các phương pháp dự phòng theo hướng dẫn và việc cung cấp thuốc Quinacrine kịp thời của Bộ Y tế Công cộng, đã giảm được 75% số ca mắc sốt rét ở nhà tù” (Minister de la Santé Publique, hồ sơ G80-81). Tuy nhiên 2 năm sau dịch bệnh sốt rét bắt đầu có dấu hiệu bùng phát trở lại, bắt đầu từ những tháng cuối năm 1949 và ở đỉnh là tháng 3/1950 khi có tới 183 người mắc sốt rét, 20 người trong số đó phải nhập viện điều trị: “Tháng 5/1949 có 31 người mắc sốt rét, trong đó bao gồm 3 người Âu, 5 lính đồn trú, 8 thường dân, 15 tù nhân. Tháng 9/1949 có 58 người mắc sốt rét gồm 5 người Âu, 21 thường dân và 32 tù nhân. Tháng 1/1950 có 62 người mắc sốt rét gồm 8 người Âu, 5 lính đồn trú, 15 thường dân và 34 tù nhân. Tháng 3/1950 có 183 người mắc sốt rét gồm 25 người Âu, 9 lính đồn trú, 62 thường dân và 87 tù nhân” (Assistance Medicale de Poulo Condore, 1950). Giới chức nhà tù tỏ ra rất lo lắng về tình hình dịch bệnh sốt rét phát triển nhanh chóng ở nhà tù Côn Đảo, trong các bản báo cáo y tế nguyệt kỳ năm 1949 - 1950 đã dành hẳn một mục lớn

ở phần đầu để báo cáo tình hình bệnh nhân mắc căn bệnh này. Dịch bệnh sốt rét chỉ được khống chế vào cuối năm 1950, tuy nhiên trong suốt những năm sau này số người mắc bệnh sốt rét chỉ giảm đi mà không hết, nhất là những tháng mùa mưa vào cuối năm.

Cùng với bệnh sốt rét, bệnh lao phổi (Tuberculose pulmonaire) phổ biến ở đây, tù nhân mắc căn bệnh này coi như bị tuyên án tử hình, cầm chắc cái chết. Lao phổi là bệnh xã hội nguy hiểm, nguyên nhân chính gây bệnh là do nhiễm trực khuẩn *Mycobacterium tuberculosis*, vi khuẩn này phát triển từ môi trường ẩm mốc, khói bụi, vệ sinh kém. Nhà tù Côn Đảo giai đoạn này giam giữ tới hàng ngàn người tù trong những khám giam ẩm ướt, bẩn thỉu là nguyên nhân chính dẫn đến nhiều tù nhân bị bệnh lao và chết vì căn bệnh này. Tháng 7/1949 trong số 80 tù nhân phải nằm điều trị thì có tới 10 người là điều trị lao phổi. Tháng 3/1950 có 124 người nằm bệnh xá điều trị thì có 13 bệnh nhân điều trị lao phổi. Trong các bản báo cáo y tế nguyệt kỳ của nhà tù Côn Đảo cho thấy hầu như tháng nào ở nhà tù này cũng có tù nhân chết vì bệnh tật, mà phần nhiều trong số đó là chết vì căn bệnh lao phổi quái ác “Tháng 8/1949 có 1 tù nhân chết vì lao phổi, số tù C.11.277. Tháng 9/1949 có 5 tù nhân chết, trong đó 1 người chết vì trụy tim (collapsus cardieque), 1 người chết không rõ nguyên nhân (d'origine indéterminée), 1 người chết vì lao phổi (Tuberculose pulmonaire), 1

người chết vì viêm gan (hépatonéphrite), 1 người chết vì chảy máu trong (d'hémorragie interne). Tháng 10/1949 có 2 tù nhân chết, 1 người chết vì lao phổi, 1 người chết vì đa chấn thương (plaies multiples). Tháng 4/1953 có 2 tù nhân chết, trong đó 1 người là tù binh (P.I.M) chết ngày 26/3 do hôn mê sâu (coma - apoplectique), 1 tù nhân chết ngày 16/4 do bệnh lao phổi (tuberculose pulmonaire)” (Assistance Médicale de Poulo Condore, 1953). Hàng đêm ở khắp các khám tù, nhất là ở những khám biệt lập, cảm cố tiếng ho của tù nhân mắc bệnh lao, bệnh hô hấp thâu đêm suốt sáng.

Bệnh phù thũng (Béribéri), căn bệnh này làm suy nhược cơ, tê phù, liệt chân mà nguyên nhân chính yếu là chế độ ăn uống thiếu thốn, không đảm bảo cung cấp vitamin. Rất nhiều tù nhân ở nhà tù Côn Đảo bị căn bệnh này nhất là trong những năm đầu khi tái lập nhà tù: “Tháng 8/1949 có 33 tù nhân mắc bệnh phù thũng, 3 người trong số đó đang được điều trị tại trạm y tế. Tháng 3/1950 có 38 tù nhân mắc bệnh phù thũng, 6 người trong số đó đang được điều trị tại trạm y tế” (Assistance Médicale de Poulo Condore, 1950). Hầu hết những người tù bị cảm cố, bị giam biệt lập trong xà lim mắc căn bệnh này, 10 người bị nhốt xà lim thì có tới 9 người khi được cho ra ngoài bị phù thũng, liệt chân không đi lại được.

Ngoài những căn bệnh kể trên đây, tù nhân còn phải đối diện với hàng chục

loại bệnh tật khác nữa cũng rất nguy hiểm như: bệnh về đường hô hấp (maladies respiratoire), bệnh viêm da do vi khuẩn (ghẻ).

3. CÁC NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU DẪN ĐẾN TÌNH TRẠNG BỆNH TẬT CỦA TÙ NHÂN Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN 1946 - 1954

3.1. Chế độ và chính sách lao tù khắc nghiệt

Thứ nhất, chế độ lao động khổ sai nặng nhọc cùng sự tra tấn dã man về thể xác và tinh thần tù nhân

Lao động khổ sai là một hình thức bóc lột sức lực người tù, đó là một hoạt động cụ thể phản ánh quan điểm “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của những kẻ xâm lược. Ở Côn Đảo một hệ thống hơn 20 sở chuyên môn được xây dựng khắp nơi để khai thác sức tù: Sở Muối, Sở Tiêu, Sở Củi, sở Lò Gạch, Sở Lò Vôi, Sở Chuồng Bò, Sở Rẫy, Sở Chỉ Tồn, Sở Bản Chế, Sở Lưới... Mỗi sở chuyên môn được bố trí thành những kíp tù để lao động khổ sai. Định mức lao động khổ sai của tù nhân được quy định rất cao, vượt khỏi khả năng và điều kiện lao động thực tế tại Côn Đảo. Rất nhiều tù nhân bị kỷ luật, bị đánh, bị giết vì không hoàn thành định mức lao động khổ sai trong thời gian này.

Tù nhân đi lao động khổ sai ngày 2 buổi, trưa và tối về lại khám, chỉ một số rất ít tù nhân đi lao động khổ sai ở xa khám giam như là kíp kéo cây, kíp phục vụ duy tu ngọn hải đăng ở hòn Bãi Cạnh, hay kíp đồn củi, kíp làm đường ra Bến Đầm thì ở lại trong các

khám đã được xây dựng sẵn ở đó và chịu sự giám sát của lực lượng gác ngục.

Nhiều công việc khổ sai hết sức cực khổ đối với tù nhân. Tháng 10/1949 tại Sở Củi (Coupe de bois) có 76 tù nhân, nhà tù quy định mỗi tù nhân phải đồn 5 tấn củi/ngày, cả Sở Củi phải nộp $38m^3$ củi/ngày, $1.140m^3$ củi/tháng. “Sản lượng củi khai thác được trong tháng 10/1949 là $729m^3$, số lao động đồn củi là 76 tù nhân” (Assistance Medicale de Poulo Condore, 1949, hồ sơ E03/272). Năm 1952 sản lượng vôi nung của Sở Lò vôi là 240 tấn, “sản lượng vôi trong năm là 240 tấn, vừa đủ cho mục đích của nhà tù” (Direction des Iles du Pénitencier de Poulo - Condore, 1952, hồ sơ số G80-113), với 240 tấn vôi nung thì kíp tù lấy san hô phải mang về trên dưới 400 tấn san hô, trừ đi những ngày nước lớn hoặc mưa bão không khai thác được thì bình quân mỗi ngày đi làm bất kể mưa nắng, kíp tù hơn 50 người phải mang về giao nộp khoảng hơn 13 tấn san hô/ngày. Lao động khổ sai nặng nhọc đã bào mòn thân xác tù nhân, nhiều tù nhân suy kiệt trầm trọng về thể lực, cơ thể không đủ sức đề kháng cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến dễ mắc bệnh tật.

Thứ hai, chế độ ăn, mặc của tù nhân thiếu thốn

Chế độ ăn của tù nhân khác ở nhà tù Côn Đảo nhìn trên giấy tờ cũng khá tốt, mỗi ngày người tù được 700 gram gạo đỏ, 10 gram đường, 20 gram

muối, 200 gram cá khô, 10 gram tương, 50 gram đồ xanh, 20 gram mỡ, 20 gram nước mắm và mỗi tuần được 150 gram thịt bò, 120 gram thịt heo. Tuy nhiên chế độ ăn này chỉ thấy trên giấy, thực tế thì chưa một người tù nào bị giam giữ ở đây có được một bữa ăn như vậy (Sud Vietnam, Direction des finances, Order de Recette, 1952). Tù nhân hàng ngày chỉ được ăn lưng bát cơm gạo xấu, một ít cá khô mục đã để trong kho ẩm ướt có khi cả nửa năm. Cá khô thì chính quyền Nam phần giao cho các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng mua của tư nhân với giá rẻ mạt, ai bỏ giá rẻ nhất thì trúng thầu cung cấp cá cho nhà tù. Tù nhân liên tục đấu tranh đòi cải thiện bữa ăn, tuy nhiên tình hình chẳng được thay đổi gì, mãi tới tháng 3/1954 mới thấy Giám đốc Tài chính của chính quyền Nam phần gửi cho tỉnh trưởng Bạc Liêu một bức điện nói về vấn đề này “Tôi báo tin cho ông rõ, mấy lần tỉnh Bạc Liêu gửi khô lên Sài Gòn lại không gặp tàu đi Côn Đảo. Số khô đó phải bị dự trữ lại tại kho vật liệu trong một thời gian rất lâu, có khi đến gần hai tháng. Đến khi có tàu thì khô đã cũ và phần nhiều không dùng được” (Giám đốc Tài chính, 1954, hồ sơ số G84-114). Tuy nhiên, bức điện này chưa kịp được phúc đáp thì những người tù đã xuống tàu rời khỏi “địa ngục trần gian Côn Đảo”. Bức điện thể hiện sự “quan tâm” này của ông Giám đốc Tài chính chỉ là hình thức vì sự thật là chính quyền Nam phần cũng đã biết rõ và để ngoài tai việc này. Không chỉ ăn uống thiếu

thốn mà quần áo cũng hết sức hạn chế, mỗi tù nhân quanh năm chỉ có một manh chiếu rách, một bộ quần áo cụt tay mỏng tang không đủ để họ chống chọi với những cơn gió biển lạnh buốt trong những đêm đông. Lao động cực nhọc, ăn uống kham khổ cộng với sự thiếu thốn quần áo trong những ngày giá rét là những nguyên nhân làm suy kiệt sức lực tù nhân, tạo thuận lợi cho bệnh tật gia tăng.

Thứ ba, chế độ giam cầm hà khắc, khám giam chật hẹp, ẩm mốc, dơ bẩn

Nhà tù Côn Đảo được thực dân Pháp xây dựng năm 1862 trên trảng đất dài bằng phẳng nằm giáp biển ở phía đông của hòn Côn Lôn Lớn. Nhà tù được xây dựng trong một khoảng thời gian rất dài và qua nhiều giai đoạn lịch sử. Thời kỳ 1946 - 1954 hệ thống nhà tù Côn Đảo có 3 Banh, mỗi banh gồm nhiều phòng giam có kích thước lớn, bé khác nhau. Hầu hết các phòng giam đều được xây dựng rất kiên cố, tường dày 60cm đến 80cm, mỗi phòng có 2 lớp cửa, xung quanh phòng giam là một dãy bệ xi măng xây cao 1m làm chỗ ngủ cho người tù, nhà vệ sinh không có cửa được đặt trong một góc phòng giam. Tùy vào diện tích của phòng giam và tùy vào từng thời điểm nhà tù bố trí số lượng tù nhân trong mỗi phòng. Nhìn chung số lượng tù nhân trong mỗi phòng giam là rất đông, có nhiều phòng giam chứa hơn 100 tù nhân.

Nhà tù thiết lập chế độ giam giữ tù nhân hết sức nghiêm ngặt, đối với những người mang án tử hình bị đưa

vào giam cầm cố trong khám tử hình ở Banh I. Ngoài tù nhân khám tử hình bị biệt giam thì vào đầu năm 1951 giám đốc nhà tù La phốt lấy 3 khám 8, 9, 10 thiết lập khu biệt lập ở Banh II để giam giữ những thành phần tù nhân bị coi là chống đối, vi phạm nội quy hay lãnh đạo tù nhân đấu tranh đòi quyền lợi. Thực chất đó là cái cớ để nhà tù đẩy tù nhân vào khu biệt lập, thiết lập một biện pháp trừng phạt với tù nhân, cái chính yếu phía sau là giám đốc nhà tù muốn thiết lập lại chế độ cặp ràng, đưa tù thường phạm lên làm cặp ràng cai quản tù nhân ở các khám tù, tước đi sự lãnh đạo của tù kháng chiến. Khu biệt lập là nơi để giam riêng lực lượng những người tù kháng chiến có ảnh hưởng đối với tù nhân. Hơn 200 tù nhân bị liệt vào thành phần nguy hiểm và bị đẩy vào giam trong 3 khám ẩm thấp, chật chội ở khu biệt lập Banh II, thực hiện chế độ giam cầm cầm cố. Trong bản báo cáo gửi giới hữu trách năm 1952 Giám đốc nhà tù Côn Đảo Jarty đã thừa nhận việc giam giữ cầm cố đối với những tù nhân này: “Khoảng 200 tù nhân, những cá nhân lãnh đạo nguy hiểm đã phải cách ly và không thể sử dụng họ vào bất cứ công việc gì” (Direction des Iles du Pénitencier de Poulo - Condore. 1952, hồ sơ số G80-113: 4). Chế độ cầm cố tù nhân rất khắc nghiệt và tàn ác dẫn đến phần lớn tù nhân sau một thời gian bị giam giữ cầm cố ở khu biệt lập này đều bị bệnh trầm trọng như phù thũng, lao, kiết lỵ, ghẻ... hành hạ. Tháng 7/1954 trước khi được trao trả tự do

những người tù đã viết *Bản án xâm lược Pháp* tố cáo chế độ giam cầm hà khắc “Khu biệt lập mà nhà tù dựng lên từ tháng 3/1951... chỉ hơn 1 năm trời mà 9 người bỏ mạng, 31 người mắc bệnh lao do bác sĩ xác nhận” (Phòng Tuyên huấn Côn Đảo, 1954: 17).

Điều kiện vệ sinh rất kém, trong phòng giam mùi ẩm mốc, mùi hôi thối, thiếu ánh sáng... là những điều kiện thuận lợi cho vi khuẩn gây bệnh. Giám đốc nhà tù Côn Đảo Jarty trong bản báo cáo năm 1952 đã thừa nhận tình trạng tồi tệ của Banh III: “Banh III được xây dựng ở một nơi không tốt, vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, sân là một cái ao lớn, nước không thể dùng được cho sinh hoạt hàng ngày” (Direction des Iles du Pénitencier de Poulo - Condore, 1952: 6).

3.2. Lực lượng y tế và trang thiết bị khám, chữa bệnh của nhà tù Côn Đảo giai đoạn 1946 - 1954 thiếu hụt

Từ khi tái chiếm lại nhà tù năm 1946, Giám đốc nhà tù Côn Đảo đầu tiên trong giai đoạn này là Gimbe đã cho sửa chữa lại bệnh xá, đồng thời đề nghị giới chức điều động lực lượng y tế ra làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho viên chức nhà tù, gia đình vợ con viên chức và tù nhân bệnh nặng. Trên thực tế, lực lượng y tế ở bệnh xá nhà tù Côn Đảo chủ yếu là để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho giám thị và gia đình giám thị, đối với tù nhân thì nhà tù sử dụng chính lực lượng tù để làm nhiệm vụ y tế như cấp phát thuốc, tiêm, chỉ những người tù bệnh nặng mới được lên điều trị ở

trạm xá y tế và được bác sĩ chữa trị. Nguồn lực y tế hạn hẹp, trang thiết bị khám chữa bệnh thiếu thốn, chính sách thăm khám, điều trị sức khỏe cho tù nhân cộng với thái độ làm việc hời hợt, đối phó của lực lượng y tế là một nguyên nhân dẫn đến nhiều dịch bệnh bùng phát ở nhà tù Côn Đảo trong giai đoạn này.

Bệnh xá Côn Đảo từ năm 1946 đến 1954 chỉ có 6 nhân viên y tế gồm 1 bác sĩ người Âu, 1 nữ hộ sinh, 3 y tá và 1 điều dưỡng tất cả đều là người Việt. Cho dù số lượng tù nhân sau năm 1950 tăng lên nhiều, có lúc tới hơn 2.500 người nhưng lực lượng nhân viên y tế vẫn không thay đổi, chỉ dao động từ 5 đến 6 người “Tháng 1/1950 bệnh xá nhà tù có bác sĩ quân đội Delabroise, y tá trưởng Lê Công Thanh, y tá Trần Văn Minh, Nguyễn Ngọc Hạnh, hộ sinh Phùng Thị Sanh”. Trong các báo cáo y tế, bác sĩ trưởng bệnh xá Côn Đảo luôn đề cập đến vấn đề này, “Tháng 4/1953 bình quân 1 bác sĩ khám cho 2.313 lượt bệnh nhân và 1 y tá điều trị cho 578 lượt người”.

Bác sĩ người Âu đầu tiên ở nhà tù Côn Đảo trong giai đoạn 1946 - 1954 là bác sĩ quân y Darble, đầu năm 1948 bác sĩ Darble chuyển về Sài Gòn, bác sĩ trung úy Charles ra thay. Tháng 11/1949 bác sĩ Charles được điều chuyển về Sài Gòn, bác sĩ quân đội Delabroise ra thay thế và được chỉ định làm trưởng trạm y tế. Ngày 31/7/1951 bác sĩ Dương Thục Huy từ Chợ Lớn ra thay bác sĩ Delabroise,

đây là người Việt duy nhất giữ vị trí bác sĩ trưởng, cùng ra với bác sĩ Huy trong tháng 7 còn có y tá trưởng Lù Văn Sanh ra thay thế y tá trưởng Lê Công Thanh được điều chuyển về Sài Gòn “Bác sĩ Dương Thục Huy thay thế bác sĩ Delabroise từ ngày 31/7/1951. Y tá Lù Văn Sanh thay thế y tá trưởng Lê Công Thanh ngày 17/7/1951” (Rapport d’assistance medicale et d’action sociale, hồ sơ d30-11). Tháng 11/1952 y tá Nguyễn Văn Tân được điều ra tăng cường cho bệnh xá nhà tù Côn Đảo khi số lượng tù nhân ở đây đã vượt trên 2.000 người. Tháng 12 năm 1952 bác sĩ quân đội Rozieres được điều ra làm trạm trưởng y tế ở nhà tù Côn Đảo thay thế bác sĩ Dương Thục Huy hết thời gian làm việc theo quy định và chuyển về Sài Gòn. Bác sĩ Rozieres làm việc nhiệt tình và trách nhiệm, nhiều tù nhân có cảm tình với ông.

Không chỉ thiếu hụt nhân viên y tế mà điều lo ngại nhất lúc bấy giờ của nhà tù là thiếu trang thiết bị, nhất là thuốc để điều trị bệnh. Bệnh xá nhà tù chỉ có chủ yếu là thuốc ký ninh (Quining) dạng viên 0,25mmg và dạng ống 0,40mmg, thuốc Quinacrine dạng viên 0,10mmg và dạng ống 0,30mmg, cả 2 loại thuốc này dùng để điều trị sốt rét, căn bệnh khá phổ biến ở nhà tù Côn Đảo, ngoài ra còn có một ít thuốc kháng sinh điều trị bệnh thương hàn, bệnh đậu mùa. Thiếu bác sĩ và thiết bị khám chữa bệnh buộc nhà tù phải chuyển bệnh nhân về Sài Gòn để điều trị. Tuy nhiên, việc chuyển về Sài Gòn

điều trị chủ yếu dành cho giám thị, gia đình giám thị và nhân viên nhà tù khi bệnh nặng, mặc dù khi bác sĩ Rozieres ra làm việc tại Côn Đảo, ông đã đấu tranh với Giám đốc nhà tù để đưa một số tù nhân bệnh nặng về Sài Gòn điều trị trong giai đoạn này.

Lực lượng nhân viên y tế nhà tù nói riêng và nhân viên nhà tù nói chung phần nhiều chẳng thiết tha gì với công việc cai quản tù nhân ngoài Côn Đảo. Họ coi việc cai quản tù nhân là nguy hiểm, một phần vì nơi đây toàn những tù nhân án nặng, một phần vì bệnh tật luôn rình rập họ. Bộ phận nhân viên này tỏ rõ sự hời hợt với công việc, họ làm chủ yếu là vì đồng lương để nuôi sống bản thân và gia đình. Chính vì thế năm 1948 Giám đốc nhà tù Brulé trong bản báo cáo số 93C gửi giới hữu trách Chính phủ Nam phần khi phân tích thái độ làm việc của nhân viên phải cay đắng gọi đây là một cuộc khủng hoảng tinh thần (*crise de moral du personnel*) của viên chức nhà tù.

4. KẾT LUẬN

Tình trạng bệnh tật ở nhà tù Côn Đảo giai đoạn 1946 - 1954 rất trầm trọng, nhiều căn bệnh nguy hiểm đã cướp đi sinh mệnh hàng trăm tù nhân, hàng ngàn người sau khi ra tù vẫn tiếp tục chống chọi với di chứng từ bệnh tật ở Côn Đảo. Nguồn gốc các căn bệnh ở nhà tù Côn Đảo chủ yếu là do sự hành hạ dã man về thể xác và tinh thần tù nhân; điều kiện vệ sinh môi trường của nhà tù dơ bẩn, các khám giam ẩm mốc, chật hẹp, là điều kiện tốt của các loại vi khuẩn bệnh tật phát triển và lây lan. Bên cạnh đó, chế độ lao động khổ sai cực nhọc, chế độ ăn uống của tù nhân không được đảm bảo trong một thời gian dài làm suy kiệt sức lực tù nhân, cơ thể người tù thiếu khả năng đề kháng trước bệnh tật. Bệnh tật thực sự là nỗi lo sợ của tù nhân, là một khía cạnh phản ánh rõ ràng cho cái gọi là “Địa ngục trần gian Côn Đảo”. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Assistance Medicale de Poulo Condore. 1949. *Rapport Medical Mensuel, mois de Juillet 1949*, hồ sơ E03/272, Phòng Tòa đại biểu Nam phần. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
2. Assistance Medicale de Poulo Condore. 1949. *Rapport Medical Mensuel, mois de October 1949*, Hồ sơ E03/272, Phòng Tòa đại biểu Nam phần, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
3. Assistance Medicale de Poulo Condore. 1950. *Rapport Medical Mensuel, mois de Janvier 1950*, Hồ sơ E03/272, Phòng Tòa đại biểu Nam phần. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
4. Assistance Medicale de Poulo Condore. 1953. *Rapport Medical Mensuel, mois de D'Avril 1953*, Hồ sơ E03/272, Phòng Tòa đại biểu Nam phần. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

5. Direction des Iles du Pénitencier de Poulo - Condore. 1952. *Rapport sur l'année 1952*, hồ sơ số G80-113, Phòng Phủ thủ hiến Nam Việt, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
6. Giám đốc Tài chính. 1954. Giám đốc Tài chính gửi tỉnh trưởng Bạc Liêu về việc “Mua khô cho Côn Đảo”, hồ sơ số G84-114, Phòng Phủ thủ hiến Nam Việt, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
7. Hồ Viết Hùng. 2019. *Tổng hợp báo cáo y tế nguyệt kỳ của nhà tù Côn Đảo*, tư liệu cho đề tài nghiên cứu sinh.
8. Minister de la Santé Publique. 1947. *Direction de Cabinet*, No971/MS-L, hồ sơ G80-81, Phòng Phủ thủ hiến Nam Việt. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
9. Phòng Tuyên huấn Côn Đảo. 1954. *Bản án xâm lược Pháp* viết ngày 22/7/1954 tại Côn Đảo (bản viết tay).
10. Assitance Medicale de Poulo Condore. 1951. *Rapport d'assistance medicale et d'action sociale*, hồ sơ d30-11, Phòng Phủ thủ hiến Nam Việt, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
11. Sud Vietnam, Direction des finaces. 1952. *Order de Recette*, hồ sơ 1582, Phòng Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.